BIỂU PHÍ B

Biểu phí sản phẩm - dịch vụ Ngân hàng điện tử và các dịch vụ khác

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA	NHÓM PHÍ	CODE PHÍ
A. NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ						
1	**Kênh Internet**					
1.1	**Truy vấn tài khoản**					
1.1.1	Truy vấn thông tin tài khoản và các thông tin khác	Miễn phí				
1.1.2	Tự động thông báo giao dịch tài khoản và số dư khi phát sinh giao dịch qua email	Miễn phí				
1.2	**Thanh toán dịch vụ**	Miễn phí				
1.3	**Giao dịch chuyển khoản theo món**					
1.3.1	Trong hệ thống NCB	Miễn phí				
1.3.2	Ngoài hệ thống NCB					
1.3.2.1	Món tiền < 500 triệu đồng	Miễn phí			**2**	**NHDT02006**
1.3.2.2	Món tiền ≥ 500 triệu đồng					
a	Trước 15h	Miễn phí			**2**	**NHDT02015**
b	Sau 15h	Miễn phí			**2**	**NHDT02016**
1.3.2.3	Chuyển tiền 24/7	Miễn phí				
1.4	**Phí sửa đổi thông tin dịch vụ**					
1.4.1	Thay đổi thông tin user truy cập/ quyền hạn user/ số điện thoại nhận OTP/ đóng 1 hoặc 1 số các user	Miễn phí			**4**	**NHDT02013**
1.4.2	Thay đổi khác	Miễn phí				
1.5	**Phí duy trì dịch vụ**	Miễn phí			**4**	**NHDT02003**

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA	NHÓM PHÍ	CODE PHÍ
1.6	**Phí tra soát giao dịch qua IB/MB**	Miễn phí			**4**	**NHDT02011**
1.7	**Phí chấm dứt sử dụng dịch vụ**	110.000 VND			**4**	**NHDT02012**
2	**Kênh SMS (Khách hàng trả cước tin nhắn cho Tổng đài)**					
2.1	**Phí truy vấn tài khoản**					
2.1.1	Truy vấn thông tin tài khoản và các thông tin khác	Miễn phí				
2.1.2	Tự động thông báo giao dịch tài khoản và số dư khi phát sinh giao dịch	55.000 VND/1 tháng/ 1 số điện thoại (thu định kỳ hàng tháng)			**4**	**NHDT02004**
2.2	**Giao dịch chuyển khoản trong hệ thống NCB**	Miễn phí				
2.3	**Thanh toán dịch vụ**	Miễn phí				
2.4	**Phí sửa đổi thông tin dịch vụ**					
	- Thay đổi số điện thoại/ hủy đăng ký sử dụng 1 hoặc 1 số các số điện thoại nhận SMS	22.000 VND/lần			**4**	**NHDT02017**
	- Thay đổi khác	Miễn phí				
2.5	**Phí chấm dứt sử dụng dịch vụ**	55.000 VND			**4**	**NHDT02018**
3	**Phí dịch vụ hạn mức giao dịch**					
3.1	Hạn mức giao dịch 247/ngày ≤ 20 tỷ	Miễn phí			**2**	**HMGD02001**
3.2	20 tỷ < hạn mức giao dịch 247/ngày ≤ mức 50 tỷ	3.300.000 VND/tháng			**2**	**HMGD02002**
3.3	50 tỷ < hạn mức giao dịch 247/ngày ≤ mức 100 tỷ	5.500.000 VND/tháng			**2**	**HMGD02003**
3.4	Hạn mức giao dịch 247/ngày trên 100 tỷ	11.000.000 VND/tháng			**2**	**HMGD02004**
B. GIAO DỊCH SÉC						

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA	NHÓM PHÍ	CODE PHÍ
1	Séc bảo chi	16.500 VND/tờ			**4**	**GDSE02001**
2	Thông báo mất séc	55.000 VND/lần			**4**	**GDSE02002**
3	Đình chỉ thanh toán séc	16.500 VND/tờ			**4**	**GDSE02003**
4	Thông báo séc không đủ khả năng thanh toán	16.500 VND/lần			**4**	**GDSE02004**
5	Thu hộ séc do ngân hàng trong nước phát hành	16.500 VND/tờ			**4**	**GDSE02005**
6	Tra soát séc do NH trong nước phát hành	Thỏa thuận	110.000 VND/ 5.5 USD		**4**	**GDSE02006**
C. DỊCH VỤ KHÁC						
1	**Dịch vụ chi hộ lương qua tài khoản**					
1.1	Chi trả qua tài khoản mở tại NCB	3.300 VND/TK	33.000 VND/ danh sách		**4**	**KHAC02001**
1.2	Chi trả qua TK mở ngoài NCB	3.300 VND/TK + Phí chuyển tiền	33.000 VND/ danh sách		**4**	**KHAC02002**
2	**Dịch vụ giao dịch qua Fax/Email**					
2.1	Phí đăng ký dịch vụ giao dịch qua Fax/Email	Miễn phí				
2.2	Phí thường niên	2.200.000 VND/năm			**2**	**KHAC02010**
2.3	Phí chậm bổ sung chứng từ bản gốc	55.000 VND/lần			**4**	**KHAC02004**
3	**Phí tư vấn tài chính**	Thu theo từng trường hợp cụ thể trên cơ sở thỏa thuận giữa ĐVKD (GĐCN, GĐTT quyết định mức phí) với Khách hàng	550.000 VND	Thỏa thuận	**4**	**KHAC02006**
4	**Phí tra soát thông tin về uy tín giao dịch KH**		550.000 VND	Thỏa thuận	**4**	**KHAC02007**

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA	NHÓM PHÍ	CODE PHÍ
5	**Phí giữ hộ tài sản**					
5.1	Lưu giữ Giấy tờ có giá (Cổ phiếu, trái phiếu, hối phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, séc, chứng chỉ quỹ, giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật, trị giá được thành tiền và được phép giao dịch)	0.003% * mệnh giá giấy tờ có giá/tháng	33.000 VND/TS/ tháng		**4**	**KHAC02008**
5.2	Lưu giữ Giấy tờ có giá trị (giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, giấy đăng ký xe…. và các giấy tờ có giá trị khác được NCB chấp thuận bảo quản)	Thu theo từng trường hợp cụ thể trên cơ sở thỏa thuận giữa ĐVKD với Khách hàng	33.000 VND/TS/ tháng	Thỏa thuận	**4**	**KHAC02009**

Ghi chú:

Biểu phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).